| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 7 - 2017
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phan Trọng Điền;

2. Bà Ngô Thị Lệ Thi .

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:*** Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 223/2017/TLST-HN ngày 07 tháng 6 năm 2017 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐXXST - HN ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1970; địa chỉ: số T, đường P, khóm C, phường K, thành phố C, tỉnh An Giang.

*Bị đơn*: Anh Lê Nhựt Thanh T, sinh năm 1969; địa chỉ: số T, đường P, khóm C, phường K, thành phố C, tỉnh An Giang.

Chị M và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2017 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết M trình bày:* Vào năm 1990, chị Mai và anh T đi đến hôn nhân. Trong thời gian gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên vào năm 1998 chị M và anh T ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 46/QĐTTLH ngày 21/11/1998.

Đến năm 2000, chị M và anh T tiếp tục chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung, chị M và anh T

luôn xãy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không còn hòa hợp. Đã nhiều lần hòa giải và gia đình cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị M yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Phạm Thị Tuyết M trình bày, trong thời gian chung sống, chị M và anh T có 01 con chung tên Lê Phạm Nhựt H, sinh năm 2010. Chị M có yêu cầu được nuôi dạy con chung Lê Nhựt Phạm H, sinh năm 2001. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án,* bị đơn anh Lê Nhựt Thanh T thống nhất với trình bày của chị Mai về thời gian và điều kiện dẫn đến việc anh T và chị M chung sống; về con chung, tài sản chung, nợ chung. Từ khi chung sống với nhau cho đến nay, anh T và chị M không đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2016 cho đến nay do bất đồng quan điểm sống ngày càng trầm trọng, không thấy đủ điều kiện để sống chung với nhau nữa nên anh T đồng ý ly hôn chị M; chấp nhận giao con chung cho chị M nuôi dạy, anh T không cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung.

Tại phiên tòa:

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, áp dụng điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận chị M và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Căn cứ biên bản ghi nhân ý kế của con chung Lê Nhựt Phạm H, sinh ngày 02/01/2001 thể hiện cháu có nguyên vọng được sống với chị M nếu cha mẹ có lý hôn. Vì vậy công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh T, giao con chung cho chị M nuôi dưỡng và anh Trúc không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

*[1] Về thẩm quyền:* Chị Phạm Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Nhựt Thanh T. Đồng thời, anh Trúc cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Về sự vắng mặt của đương sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã cung cấp lời khai và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyết M và anh Lê Nhựt Thanh T cùng thống nhất chị M, anh T chung sống với nhau vào năm 2000 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo giấy xác minh ngày 29/6/2017, Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Châu Đốc xác định, qua kiểm tra sổ bộ hộ tịch về việc đăng ký kết hôn thì không tìm thấy tên.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định, chị M và anh T chung sống từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anhT theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: chị M và anh T thống nhất trong thời gian chung sống giữa chị M và anh T có 01 con chung tên Lê Nhựt Phạm H, sinh năm 2001.

Chị M và anh T thống nhất, chị M tiếp tục được nuôi dạy cháu Lê Nhựt Phạm H; anh T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Xét, sự thống nhất giữa chị M với anh T về người trực tiếp nuôi dạy con chung phù hợp với nguyên vọng của cháu H tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/6/2017. Theo đó, khi chị M và anh T ly hôn, H có nguyện vọng sống với chị M. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của chị M và anh T về người trực tiếp nuôi dạy con chung và việc anh T không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Chị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục H.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị M và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị M đã nộp. Anh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Tuyết M và anh Lê Nhựt Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Phạm Thị Tuyết M được nuôi dạy con chung Lê Nhựt Phạm H, sinh năm 2010. Anh Lê Nhựt Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Chị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Tuyết M phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0014571 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị M đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Nhựt Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Tuyết M và anh Lê Nhựt Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Ngọc**